

QUY ĐỊNH

chế độ khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 06-HD/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng;
- Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị;
- Căn cứ Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;
- Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/06/2022.
- Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP, ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
- Căn cứ Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW, ngày 29/9/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về nghiệp vụ công tác đảng viên;
- Căn cứ Công văn số 19780-CV/VPTW, ngày 29/12/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về điều chỉnh một số nội dung tại Hướng dẫn số 56-HD/VPTW, ngày 27/10/2015 của Văn phòng Trung ương Đảng về mức chi tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên;
- Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV, ngày 04/8/2025 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
- Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/TU, ngày 05/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy khóa XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định chế độ khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định đối tượng, tiêu chuẩn, hình thức khen thưởng và thẩm quyền quyết định khen thưởng của tổ chức đảng; quy định chi tiết về quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và kinh phí khen thưởng, quyền và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân được khen thưởng.

Điều 2. Nguyên tắc khen thưởng

Công tác thi đua, khen thưởng phải kịp thời, bảo đảm công khai, dân chủ và đảm bảo quy trình, thủ tục và hồ sơ khen thưởng; thành tích khen thưởng phải rõ ràng, cụ thể, đạt được ở mức nào thì khen thưởng ở mức đó; không khen thưởng trùng thành tích.

Khi xét khen thưởng theo định kỳ: Cá nhân người đứng đầu phải gắn với thành tích và kết quả xếp loại của tập thể; người đứng đầu được khen thưởng do đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu thì tập thể phải được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; trong một năm, cùng một thành tích đạt được không trình khen thưởng đồng thời ở cấp xã (*trương đương*) và cấp tỉnh.

Điều 3. Hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng

1. Hình thức khen thưởng

a) Các hình thức khen thưởng của Đảng

- Khen thưởng theo định kỳ: “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” hằng năm, “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu hằng năm, 5 năm đối với tổ chức đảng, đảng viên.

- Khen thưởng không theo định kỳ: Khen thưởng thành tích thực hiện chuyên đề; có thành tích trong chỉ đạo, tham mưu tổ chức đại hội đảng các cấp; thành tích đột xuất; thành tích đặc biệt xuất sắc.

b) Các hình thức khen thưởng cụ thể

- Đối với tổ chức đảng: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, cờ, huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

- Đối với đảng viên: Biểu dương, tặng giấy khen, bằng khen, huân chương, huy chương và các danh hiệu vinh dự khác của Đảng và Nhà nước.

2. Đối tượng

a) Khen thưởng theo định kỳ

- Chi bộ (*không phải chi bộ cơ sở*), đảng bộ bộ phận.
 - Chi bộ cơ sở; đảng bộ cơ sở.
 - Đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng (*đảng bộ xã, phường và tương đương*).
 - Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp của Đảng các cấp.
 - Đảng viên.
- b) Khen thưởng không theo định kỳ
- Tổ chức đảng, cấp ủy các cấp.
 - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.
 - Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy.
 - Các phòng, đơn vị trực thuộc các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy; các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.
 - Mặt trận Tổ quốc, ban xây dựng Đảng, ủy ban kiểm tra, văn phòng cấp ủy, đơn vị sự nghiệp trực thuộc đảng ủy xã, phường và tương đương.
 - Cán bộ, đảng viên.

3. Tiêu chuẩn khen thưởng

a) Khen thưởng theo định kỳ

- Các tổ chức đảng và đảng viên được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong năm, đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trong năm, 5 năm.
- Tiêu chuẩn đối với tổ chức đảng và đảng viên ở mức “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” thực hiện theo các quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- Tỷ lệ tổ chức đảng đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không vượt quá 20% số tổ chức đảng cùng cấp (*cùng nhóm đối tượng tương đồng*) được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”; tỷ lệ tổ chức đảng đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu không vượt quá 50% tổng số tổ chức đảng đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.
- Tỷ lệ đảng viên được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không vượt quá 20% số đảng viên được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trong từng tổ chức đảng; tỷ lệ đảng viên đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

vụ” tiêu biểu không vượt quá 50% tổng số đảng viên đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

- Tổ chức đảng, đảng viên đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy khen thưởng phải thực sự tiêu biểu nổi trội, được xét trong số đủ tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu của từng cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Tiêu chuẩn xét tặng cờ: Tập thể phải thực sự có thành tích tiêu biểu, đặc biệt xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua của địa phương, tỉnh.

b) Khen thưởng không theo định kỳ

- Tập thể (*quy định tại khoản 2, điều này*) có thành tích xuất sắc trong chỉ đạo, thực hiện các chuyên đề do cấp thẩm quyền triển khai; có thành tích xuất sắc trong chỉ đạo, tham mưu, phục vụ đại hội đảng các cấp; có thành tích đặc biệt xuất sắc, là điển hình tiên tiến trong đảng bộ về từng lĩnh vực.

- Đảng viên có thành tích xuất sắc trong chỉ đạo, thực hiện các chuyên đề do cấp có thẩm quyền triển khai; có thành tích xuất sắc trong chỉ đạo, tham mưu, phục vụ đại hội đảng các cấp; có thành tích đặc biệt xuất sắc tiêu biểu trong từng lĩnh vực công tác (*xây dựng Đảng, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, khoa học, văn hóa, nghệ thuật, thể thao và các lĩnh vực khác...*) hoặc được trao tặng các giải thưởng cao quý trong nước, quốc tế, có hành động dũng cảm trong chiến đấu, lao động sản xuất, phòng, chống thiên tai, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và tệ nạn xã hội, được Đảng, Nhà nước xét tặng các danh hiệu anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Chương II **KHEN THƯỞNG TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN** **THEO ĐỊNH KỲ**

Điều 4. Thẩm quyền xét khen thưởng tổ chức đảng

1. Xét khen thưởng cho chi bộ (*không phải chi bộ cơ sở*)

a) Chi bộ: Biểu dương tổ chức đảng trực thuộc có thành tích trong năm.

b) Đảng ủy bộ phận: Biểu dương tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ có thành tích trong năm.

c) Các đảng ủy cấp trên trực tiếp của chi bộ (trừ đảng bộ bộ phận) xét tặng giấy khen cho chi bộ đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trong năm; Ban thường vụ đảng ủy xã, phường và tương đương xét tặng giấy khen cho chi bộ trực thuộc đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trong năm.

d) Ban Thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng xét tặng giấy khen cho chi bộ đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền.

e) Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét tặng bằng khen cho chi bộ đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền.

2. Xét khen thưởng đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở

a) Chi bộ cơ sở: Biểu dương, tặng giấy khen cho đảng viên trong chi bộ.

b) Đảng ủy cơ sở: Biểu dương, tặng giấy khen cho tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

c) Ban thường vụ cấp ủy cấp trên của tổ chức cơ sở đảng xét tặng giấy khen cho đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trong năm.

d) Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét tặng bằng khen, tặng cờ cho đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền.

Tập thể đề nghị tặng bằng khen thì không đồng thời đề nghị tặng cờ và ngược lại.

3. Xét khen thưởng đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng

a) Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng; cấp ủy được giao quyền, thí điểm giao quyền cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng: Tặng giấy khen cho tổ chức đảng và đảng viên trong đảng bộ.

b) Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét tặng bằng khen cho đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trong năm.

c) Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét tặng bằng khen, tặng cờ cho đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có thành tích trong nhiệm kỳ.

Tập thể đề nghị tặng bằng khen thì không đồng thời đề nghị tặng cờ và ngược lại.

Điều 5. Thẩm quyền xét khen thưởng đảng viên

a) Chi bộ: Biểu dương đảng viên trong chi bộ.

b) Đảng ủy bộ phận: Biểu dương đảng viên trong đảng bộ.

c) Chi bộ cơ sở: Biểu dương, xét tặng giấy khen cho đảng viên đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trong năm.

d) Đảng ủy cơ sở: Biểu dương, xét tặng giấy khen cho đảng viên đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trong năm.

e) Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng: Xét tặng giấy khen cho đảng viên của chi bộ trực thuộc đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trong năm; xét tặng giấy khen cho đảng viên đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền.

f) Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Xét tặng bằng khen cho đảng viên đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền.

Điều 6. Khen thưởng bí thư cấp ủy cơ sở giỏi

Hằng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét, tặng bằng khen cho bí thư cấp ủy cơ sở giỏi.

1. Đối tượng

Bí thư đảng ủy cơ sở, bí thư chi bộ cơ sở (*riêng quân sự thì khen đồng chí phó bí thư đảng ủy*).

2. Tiêu chuẩn

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt tiêu chuẩn đảng viên “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền, có thành tích xuất sắc.

b) Tổ chức cơ sở đảng được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền, có thành tích tiêu biểu, xuất sắc được đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy tặng bằng khen hoặc tặng cờ.

Chương III

KHEN THƯỞNG KHÔNG THEO ĐỊNH KỲ; HIỆP Y ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 7. Thẩm quyền khen thưởng không theo định kỳ

1. Tặng bằng khen, giấy khen cho tập thể

Cấp ủy các cấp theo thẩm quyền xem xét: Khen thưởng kịp thời những tổ chức đảng cấp dưới có thành tích đặc biệt xuất sắc, là điển hình tiên tiến; thành tích xuất sắc đạt được trong thực hiện các chuyên đề.

2. Tặng bằng khen, giấy khen cho đảng viên

a) Ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng xét tặng giấy khen cho đảng viên có thành tích xuất sắc, được nhà nước trao giải thưởng trong các kỳ thi tuyển, thi đấu quốc gia; là chiến sĩ thi đua tiêu biểu cấp bộ, ngành, tỉnh; thành tích xuất sắc đạt được trong thực hiện các chuyên đề.

b) Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét tặng bằng khen cho đảng viên có thành tích đặc biệt xuất sắc, được các tổ chức quốc tế trao giải thưởng; được Nhà nước xét tặng danh hiệu anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc, đoạt giải nhất trong

các kỳ thi tuyển, thi đấu quốc gia; thành tích xuất sắc đạt được trong thực hiện các chuyên đề.

Điều 8. Quy trình, thủ tục và số lượng khen thưởng

1. Khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất

a) Khi phát sinh thành tích, các cấp ủy cấp trên xem xét khen thưởng kịp thời hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

b) Số lượng khen thưởng theo thành tích đạt được.

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng 01 bộ bản chính, gồm: Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị, danh sách kèm tóm tắt thành tích, Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân, biên bản họp xét.

2. Khen thưởng tổng kết nghị quyết, chỉ thị...của Đảng và các chuyên đề khác; thành tích trong chỉ đạo, tham mưu, phục vụ đại hội đảng các cấp

a) Quy trình triển khai

- Trước khi tổng kết các chuyên đề, các nghị quyết, chỉ thị...của Đảng, các đơn vị được giao chủ trì tham mưu xây dựng kế hoạch (trong đó nếu có phần khen thưởng cần trao đổi, thống nhất với ban tổ chức cấp ủy, ban xây dựng Đảng các cấp về đối tượng, số lượng dự kiến khen thưởng trình cấp có thẩm quyền ban hành.

- Sau khi kế hoạch được thông qua, đơn vị được giao chủ trì có văn bản hướng dẫn các đơn vị liên quan thực hiện quy trình đề xuất khen thưởng, trong đó phải định hướng về số lượng, tiêu chuẩn, yêu cầu, thời gian cụ thể.

- Các đơn vị có tập thể, cá nhân đề xuất khen thưởng phải xem xét, đề xuất đúng đối tượng; thẩm định, thông qua tập thể để đề xuất lên cấp trên.

- Đơn vị được phân công chủ trì tổng hợp, phối hợp với các đơn vị liên quan để thẩm định, trình cấp thẩm quyền khen thưởng.

b) Số lượng đề nghị khen thưởng

- Khen thưởng tổng kết nghị quyết, chỉ thị...của Đảng và các chuyên đề khác:

+ Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy tặng Bằng khen: Số lượng không quá 10 tập thể, không quá 10 cá nhân đối với mỗi chuyên đề. Trường hợp đặc biệt, do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định; mỗi tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng 1 chuyên đề trong 1 năm (*trường hợp đặc biệt, cần thiết do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định*).

+ Khen thưởng thẩm quyền cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy do đơn vị quy định cho phù hợp.

- Khen thưởng thành tích trong chỉ đạo, tham mưu, phục vụ đại hội đảng các cấp:

+ Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy tặng Bằng khen: Số lượng không quá 10 tập thể, không quá 10 cá nhân (trường hợp đặc biệt, cần thiết do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định).

+ Khen thưởng thẩm quyền cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy do đơn vị quy định cho phù hợp.

Điều 9. Hiệp y, đề nghị khen thưởng

1. Cho ý kiến hiệp y khen thưởng của các cơ quan Trung ương

a) Khi có văn bản của các cơ quan Trung ương xin ý kiến hiệp y đề nghị khen thưởng đối với các đồng chí lãnh đạo quản lý (*theo phân cấp quản lý cán bộ*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy căn cứ quy định tham mưu xin ý kiến các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng thời thành lập tổ kiểm phiếu để biểu quyết nội dung này, trên cơ sở kết quả bỏ phiếu kín, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu trình Thường trực Tỉnh ủy ban hành văn bản hiệp y.

b) Hồ sơ 01 bộ bản chính, gồm: Công văn đề nghị hiệp y, danh sách kèm tóm tắt thành tích; báo cáo thành tích, biên bản họp xét, các quyết định xếp loại, khen thưởng hàng năm...

2. Cho ý kiến về việc đề nghị khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

a) Đề nghị tặng Trướng của Tỉnh ủy - HĐND - UBND - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An: Khi có đề nghị của cơ quan, đơn vị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định đối tượng, điều kiện tiêu chuẩn để tham mưu xin ý kiến các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy trước khi trình ban hành chủ trương tặng Trướng.

b) Đề nghị khen thưởng cao (Huân, huy chương, danh hiệu chiến sĩ thi đua toàn quốc, danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước...) đối với tập thể, cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề xuất trước cuộc họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy hằng tháng ít nhất 10 ngày, Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu rà soát đối tượng, tiêu chuẩn trình tại kỳ họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy (trường hợp cần thiết, thời gian gấp do yêu cầu của Trung ương thì lấy ý kiến các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng văn bản).

Chương IV

THỦ TỤC HỒ SƠ, THỜI GIAN TRÌNH KHEN THƯỞNG; MẪU HIỆN VẬT, TÀI LIỆU VỀ KHEN THƯỞNG

Điều 10. Thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên theo định kỳ và không theo định kỳ

1. Thành phần hồ sơ

- Khen thưởng theo định kỳ: Tờ trình đề nghị khen thưởng, danh sách; trích biên bản kiểm phiếu; tóm tắt thành tích; báo cáo thành tích; các quyết định xếp loại, công nhận đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu hằng năm (*bản dấu đỏ hoặc y sao công chứng*) phù hợp yêu cầu mỗi cấp khen thưởng.

- Khen thưởng không theo định kỳ: Tờ trình đề nghị khen thưởng, danh sách; trích biên bản kiểm phiếu; tóm tắt thành tích; báo cáo thành tích; bản phôi Chỉ thị, Nghị quyết, Đề án... của Đảng, kế hoạch triển khai hoặc kế hoạch tổng kết chuyên đề của cấp có thẩm quyền.

2. Mẫu hồ sơ: Phụ lục kèm theo.

3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản chính.

Điều 11. Thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng bí thư cấp ủy cơ sở giỏi

1. Quy trình, thủ tục, hồ sơ khen thưởng

a) Ban thường vụ đảng ủy cơ sở, chi bộ cơ sở họp để có định hướng cụ thể (nơi không có ban thường vụ thì bí thư, phó bí thư chuẩn bị).

b) Lấy ý kiến các tổ chức liên quan: Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị trực thuộc nếu có.

c) Cấp ủy cơ sở họp, lấy ý kiến bằng phiếu kín.

d) Cấp ủy cơ sở làm văn bản đề nghị ban thường vụ đảng ủy xã, phường hoặc tương đương.

2. Hồ sơ gồm: Tờ trình đề nghị khen thưởng; danh sách; trích biên bản kiểm phiếu; tóm tắt thành tích; báo cáo thành tích cá nhân; các quyết định công nhận đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu hằng năm, giấy khen; văn bản đánh giá, xếp loại hằng năm của cấp ủy cơ sở đối với đảng viên; bản nhận xét của cấp ủy nơi cư trú.

Mẫu hồ sơ: Phụ lục kèm theo.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản chính.

Điều 12. Thủ tục hồ sơ đề nghị tặng Trướng và hiệp y khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng, hiệp y khen thưởng gồm: Tờ trình đề nghị của đơn vị; danh sách; tóm tắt thành tích; trích biên bản kiểm phiếu; báo cáo thành tích, các quyết định xếp loại, khen thưởng...

Mẫu hồ sơ: Phụ lục kèm theo.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản chính.

2. Hồ sơ đề nghị tặng Trưởng: Tờ trình đề nghị của đơn vị; trích biên bản kiểm phiếu; báo cáo quá trình xây dựng và phát triển của đơn vị.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản chính.

Điều 13. Mẫu hiện vật, tài liệu về khen thưởng

Mẫu bằng khen, giấy khen, cờ, sổ ghi khen thưởng, các quyết định khen thưởng thực hiện theo Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW, ngày 29/9/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về nghiệp vụ công tác đảng viên.

Chương V KINH PHÍ KHEN THƯỞNG

Điều 14. Mức tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên theo định kỳ và khen thưởng chuyên đề, đột xuất

1. Cách tính tiền thưởng

- Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được tính trên mức lương cơ sở (viết tắt là MLCS) do Chính phủ quy định đang có hiệu lực vào thời điểm ban hành quyết định khen thưởng;

- Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức tiền lương cơ sở được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

2. Mức thưởng đối với tổ chức đảng theo định kỳ

a) Khen thưởng đối với chi bộ (không phải là chi bộ cơ sở), đảng bộ bộ phận

- Chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trong năm được tặng giấy khen của ban chấp hành đảng bộ cơ sở: Tiền thưởng kèm theo bằng 0,6 lần MLCS.

- Chi bộ trực thuộc đảng ủy xã, phường (*tương đương*) đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trong năm được tặng giấy khen của ban thường vụ đảng ủy xã, phường (*tương đương*): Tiền thưởng kèm theo bằng 0,6 lần MLCS.

- Chi bộ đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền được tặng giấy khen của ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng: Tiền thưởng kèm theo bằng 1,5 lần MLCS.

- Chi bộ đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền được tặng Bằng khen của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Tiền thưởng kèm theo bằng 2,0 lần MLCS.

b) Khen thưởng đối với đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở

- Đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trong năm được tặng giấy khen của ban thường vụ đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng: Tiền thưởng kèm theo bằng 2,0 lần MLCS.

- Đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền được tặng Bằng khen của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Tiền thưởng kèm theo bằng 5,0 lần MLCS; đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền được Ban Thường vụ Tỉnh ủy tặng cờ: Tiền thưởng kèm theo bằng 8,0 lần MLCS.

c) Khen thưởng đối với đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng

- Đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu trong năm được tặng Bằng khen của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Tiền thưởng kèm theo bằng 5,0 lần MLCS.

- Đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có thành tích trong nhiệm kỳ được tặng Bằng khen của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Tiền thưởng kèm theo bằng 10,0 lần MLCS.

- Đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng có thành tích trong nhiệm kỳ được tặng Cờ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Tiền thưởng kèm theo bằng 15,0 lần MLCS.

d) Đối với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy

- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy được Ban Thường vụ Tỉnh ủy tặng bằng khen hằng năm đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu: Tiền thưởng kèm theo bằng 3,0 lần MLCS.

- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy được Ban Thường vụ Tỉnh ủy tặng Cờ đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền: Tiền thưởng kèm theo bằng 10,0 lần MLCS.

3. Mức thưởng đối với tổ chức đảng không theo định kỳ

a) Tổ chức đảng được cấp ủy cơ sở tặng giấy khen do đạt thành tích xuất sắc: Tiền thưởng kèm theo bằng 0,6 lần MLCS.

b) Các tổ chức, đơn vị có thành tích đặc biệt xuất sắc được khen thưởng đột xuất hoặc khi tổng kết chỉ thị, nghị quyết,... của Đảng được ban thường vụ đảng ủy xã, phường và tương đương tặng giấy khen kèm theo tiền thưởng như sau: Chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường và tương đương là 1,5 lần MLCS; đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở là 2,0 lần MLCS.

c) Các tổ chức, đơn vị có thành tích đặc biệt xuất sắc được khen thưởng đột xuất hoặc khi tổng kết chỉ thị, nghị quyết,... của Đảng được Ban Thường vụ Tỉnh ủy tặng bằng khen kèm theo tiền thưởng như sau: Chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở, chi bộ trực thuộc đảng bộ xã, phường và tương đương, các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường và tương đương là 2,0 lần MLCS; cấp ủy cơ sở, các ban xây dựng Đảng (*hoặc ban tổ chức cấp ủy*), văn phòng cấp ủy, ủy ban kiểm tra, đơn vị sự nghiệp trực thuộc đảng ủy xã, phường và tương đương, các phòng, đơn vị trực thuộc các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, các đoàn thể cấp tỉnh là 3,0 lần MLCS; các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, MTTQ tỉnh là 4,0 lần MLCS; đảng ủy xã, phường và tương đương là 5,0 lần MLCS.

4. Mức thưởng đối với đảng viên

a) Khen thưởng theo định kỳ

- Đảng viên được đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở công nhận đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong năm kèm theo số tiền là 0,3 lần MLCS, đồng thời có thể được xét tặng giấy khen đảng viên “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu”.

- Đảng viên được ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng (*đối với những nơi không có đảng ủy cơ sở*) công nhận đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong năm kèm theo số tiền là 0,3 lần MLCS, đồng thời có thể được xét tặng giấy khen đảng viên “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu.

- Đảng viên đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” tiêu biểu 5 năm liền được tặng giấy khen của ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng: Tiền thưởng kèm theo bằng 1,0 lần MLCS.

- Đảng viên đạt tiêu chuẩn "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" tiêu biểu 5 năm liền được tặng Bằng khen của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Tiền thưởng kèm theo bằng 1,5 lần MLCS.

b) Khen thưởng không theo định kỳ

- Đảng viên được tặng giấy khen của đảng ủy cơ sở, chi ủy cơ sở do đạt thành tích đặc biệt xuất sắc được kèm theo tiền thưởng là 0,3 lần MLCS.

- Đảng viên có thành tích đặc biệt xuất sắc được khen thưởng đột xuất hoặc khi tổng kết chỉ thị, nghị quyết,... của Đảng được ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng tặng giấy khen kèm theo tiền thưởng là 1,0 lần MLCS.

- Đảng viên được Ban Thường vụ Tỉnh ủy tặng Bằng khen do đạt thành tích đặc biệt xuất sắc được khen thưởng đột xuất hoặc khi tổng kết chỉ thị, nghị quyết,... của Đảng kèm theo tiền thưởng là 1,5 lần MLCS.

- Đảng viên được Ban Thường vụ Tỉnh ủy tặng bằng khen đạt danh hiệu "Bí thư cấp ủy cơ sở giỏi" kèm theo tiền thưởng là 4,0 lần MLCS.

Điều 15. Nguồn kinh phí thi đua, khen thưởng

1. Tiền thưởng kèm theo các hình thức khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên thực hiện theo Hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng và Điều 14 Quy định này. Cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chi tiền thưởng từ nguồn kinh phí khen thưởng được giao của cấp ủy cùng cấp.

2. Nguồn kinh phí thực hiện công tác khen thưởng được lấy từ ngân sách Nhà nước cấp cho cấp ủy quyết định khen thưởng theo quy định.

3. Kinh phí chi khen thưởng đối với các tổ chức đảng, đảng viên theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Hằng năm, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp Văn phòng Tỉnh ủy căn cứ nguồn kinh phí chi khen thưởng từ ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí dự trữ của Tỉnh ủy, thực hiện xây dựng dự toán kinh phí chi khen thưởng, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt theo quy định.

4. Kinh phí chi khen thưởng đối với các tổ chức đảng, đảng viên theo quyết định khen thưởng của ban thường vụ đảng ủy xã, phường: Hằng năm văn phòng đảng ủy xã, phường lập dự toán kinh phí khen thưởng chung trong dự toán kinh phí hoạt động của cấp ủy, trình ban thường vụ đảng ủy xã, phường phê duyệt theo quy định.

5. Kinh phí chi khen thưởng đối với các tổ chức đảng, đảng viên theo quyết định khen thưởng của Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh: Hằng năm Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh: Lập dự toán kinh phí khen thưởng chung trong dự toán kinh phí hoạt động của đơn vị, gửi Văn phòng Tỉnh ủy thẩm định, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt theo quy định.

6. Kinh phí khen thưởng đối với các tổ chức đảng, đảng viên theo quyết định khen thưởng của Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh, do Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh lập dự toán và quyết toán theo quy định của Trung ương.

7. Kinh phí khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên theo quyết định khen thưởng của các tổ chức cơ sở đảng, do các cấp ủy đảng lập dự toán gửi đơn vị chính quyền cùng cấp để tổng hợp chung trong dự toán kinh phí của đơn vị theo Quy định của Trung ương.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên

1. Hằng năm gắn với tổng kết năm, tổ chức đảng và đảng viên tự đánh giá nếu xét thấy đủ tiêu chuẩn theo quy định thì đề nghị cấp ủy có thẩm quyền khen thưởng.

2. Các cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng chỉ đạo, hướng dẫn, thực hiện các quy trình, lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên theo quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy khen thưởng gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy **trước ngày 15/12** hằng năm; đơn vị nộp chậm hồ sơ sẽ không được xét khen thưởng.

4. Các đơn vị đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy khen thưởng khi tổng kết nghị quyết, chỉ thị... lập hồ sơ gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy trước khi tổng kết **ít nhất 15 ngày**.

5. Ban Tổ chức Tỉnh ủy là cơ quan thường trực về công tác thi đua, khen thưởng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan, có trách nhiệm thẩm định, tổng hợp hồ sơ, tham mưu lựa chọn những tập thể, cá nhân đủ điều kiện tiêu chuẩn trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

6. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy phối hợp cho ý kiến danh sách đề nghị khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 25-QĐ/TU, ngày 27/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chế độ khen thưởng tổ chức đảng và đảng viên.

Quy định được phổ biến đến Chi bộ để thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (để b/c),
- Văn phòng Trung ương (để b/c),
- Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy,
- Mặt trận tổ quốc và các tổ chức CT - XH cấp tỉnh,
- Đảng ủy xã, phường; Đảng ủy trực thuộc,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Chánh, Phó CVP Tỉnh ủy (TH),
- Phòng Tổng hợp VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Hoàng Nghĩa Hiếu



TỈNH ỦY NGHỆ AN

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Nghệ An, ngày 16 tháng 01 năm 2026

PHỤ LỤC

Mẫu hồ sơ khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên
 (Kèm theo Quy định số 252 -QĐ/TU, ngày 16/01/2026
 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Số -TTr/...

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên thuộc Đảng bộ.....**

Kính gửi: - Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
 - Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - Căn cứ Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về thi hành Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 06-HD/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW, ngày 29/9/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về nghiệp vụ công tác đảng viên;
 - Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022; Nghị định số 152/2025/NĐ-CP, ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;
 - Căn cứ Quy định số -QĐ/TU, ngày /01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chế độ khen thưởng đối với tổ chức đảng, đảng viên;
- Căn cứ thành tích của tổ chức đảng, đảng viên, tiêu chuẩn, điều kiện xét khen thưởng theo quy định, kết quả họp xét của Ban Thường vụ Đảng ủy.... ngày/.../20...;
- Ban Thường vụ Đảng ủy.... thống nhất đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét khen thưởng đối với tổ chức đảng, đảng viên cụ thể như sau:
1. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy tặng Bằng khen đối với:...

- Tập thể.....(tập thể).
- Cá nhân.....(đồng chí).
- 2.....

*(có danh sách, tóm tắt thành tích, biên bản họp xét,
báo cáo thành tích gửi kèm theo)*

Ban Thường vụ Đảng ủy.... kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét,
quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu BXD Đảng,
- VT.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

TÊN ĐƠN VỊ**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG.....**Tên tập thể****I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH**

1. Đặc điểm, tình hình
2. Chức năng, nhiệm vụ được giao

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định.

Tùy theo hình thức đề nghị khen thưởng, nội dung báo cáo thành tích nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về hiệu quả, năng suất, chất lượng, kết quả công tác so với giai đoạn trước khi đề nghị khen thưởng; việc đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính; nghiên cứu khoa học, công nghệ,... đem lại hiệu quả cao cho địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được thực hiện có hiệu quả tại địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể.

5. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ:

III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN**1. Danh hiệu thi đua:**

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
....		

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
...		

**XÁC NHẬN CỦA
CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG**
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG
(cá nhân)****I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH**

- Họ tên (Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt):
- Sinh ngày, tháng, năm:.....Giới tính:.....Dân tộc, tôn giáo.
- Đơn vị công tác:
- Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể):
- Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có):
- Học hàm, học vị, danh hiệu, giải thưởng:

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Quyền hạn, nhiệm vụ được giao hoặc đảm nhận:
2. Thành tích đạt được của cá nhân⁴:
3. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ:

III. DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHẬN**1. Danh hiệu thi đua:**

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
XÁC NHẬN, ĐỀ NGHỊ
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO THÀNH TÍCH
(Ký ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG
(Ký, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày ... tháng ... năm ...

TÓM TẮT THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ TẶNG.....

Tên tập thể, cá nhân	Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được nhận trong 05 năm gần nhất	Thành tích nổi bật, mô hình mới trong năm hoặc 05 năm	Tỷ lệ phiếu biểu quyết của các cấp đề nghị khen thưởng
....		...	

**XÁC NHẬN CỦA
CẤP TRÌNH KHEN THƯỞNG**
(Ký, đóng dấu)

**NGƯỜI BÁO CÁO/
ĐƠN VỊ BÁO CÁO THÀNH TÍCH**
(Ký ghi rõ họ tên)

TÊN ĐƠN VỊ...
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

....., ngày ... tháng năm

TRÍCH BIÊN BẢN HỌP
của Ban Thường vụ Đảng ủyvề việc đề nghị tặng

Hôm nay, ngày .../.../....., Ban Thường vụ Đảng ủy.....họp, xét khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên năm.....

.....
Sau đây là kết quả biểu quyết bằng phiếu kín của các thành viên tham dự Hội nghị:

1. Tổ kiểm phiếu gồm:

- Đồng chí: Tổ trưởng,
- Đồng chí: Thành viên,
- Đồng chí: Thư ký.

Số phiếu phát ra:phiếu

Số phiếu thu về:phiếu

Số phiếu hợp lệ:phiếu

Số phiếu không hợp lệ:phiếu

2. Kết quả cụ thể như sau:

TT	Tên tập thể, cá nhân	Số phiếu đồng ý	Số phiếu không đồng ý
1			

Biên bản được lập thành 02 bản, vào hồi giờ Phút, ngày được thông qua Hội nghị cùng nghe, thống nhất các nội dung trên.

T/M TỔ KIỂM PHIẾU
TỔ TRƯỞNG

CHỦ TRÌ